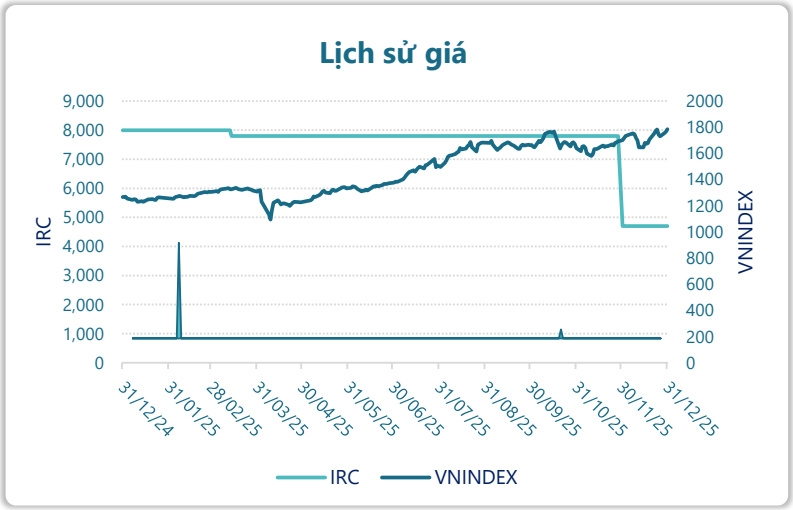
FireAnt

CTCP Cao su Công nghiệp (UPCOM: IRC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,995
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	17,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	82
P/E	5.0
EPS	931

DT thuần

Q4/25

1.57

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.74| 89.5%

YoY: ▼2.06| -56.7%

LN sau thuế

Q4/25

23.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.5| 1453%

YoY: ▲ 10.9| 84.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

350%

+/- YoY: ▲ 284%

DT thuần

2025

5.87

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.2| -76.7%

LN sau thuế

2025

16.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.10| 23.0%

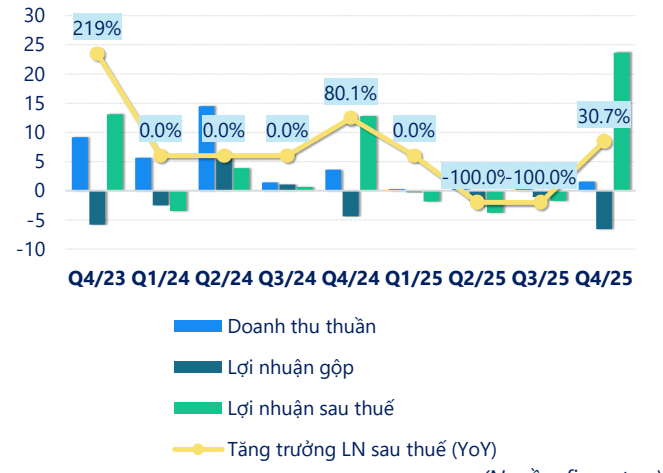
ROE

2025

8.6%

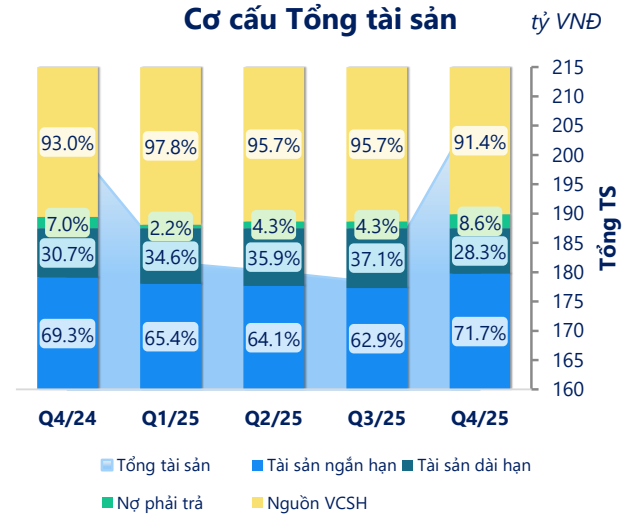
+/- YoY: ▲ 1.4%

Kết quả kinh doanh



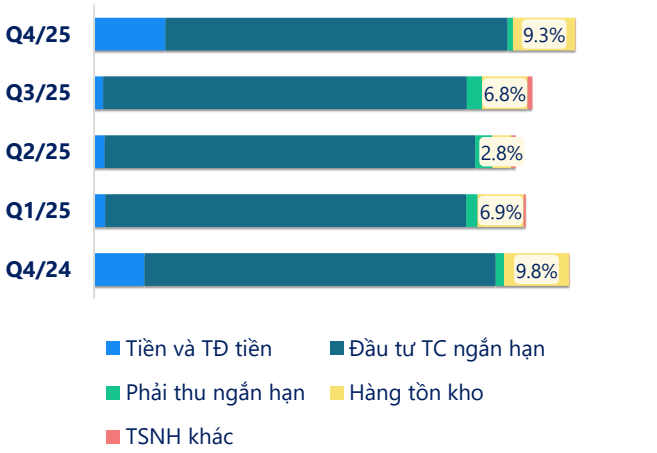
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



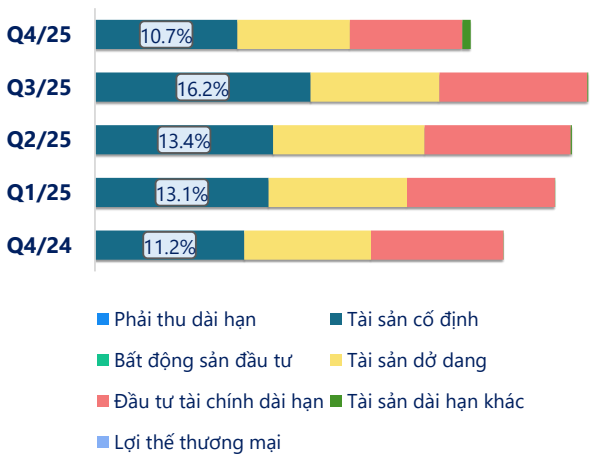
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



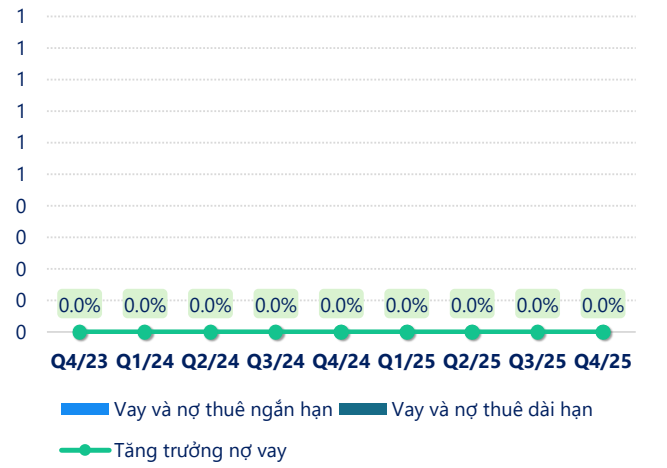
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



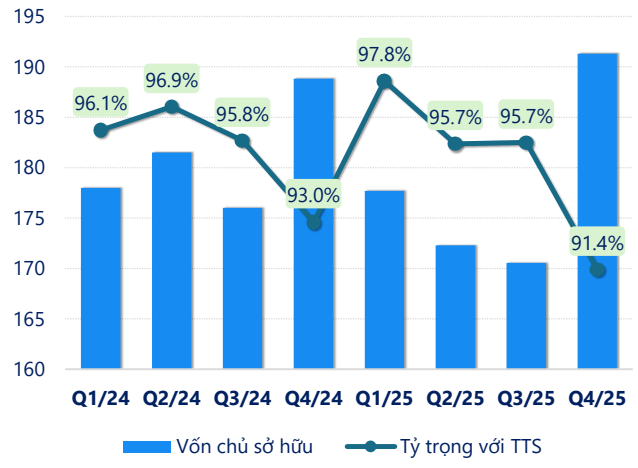
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



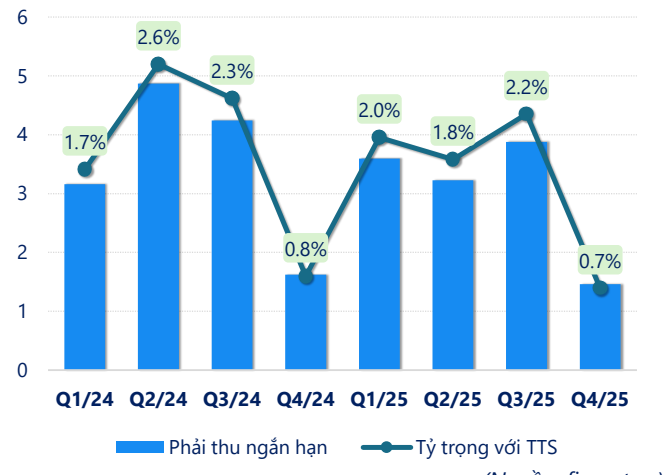
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



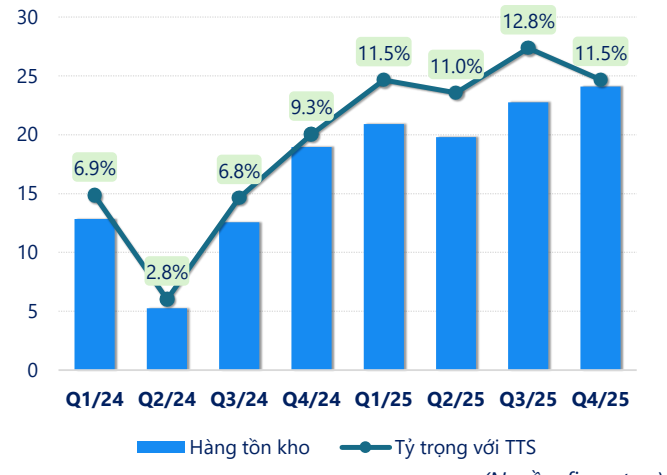
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



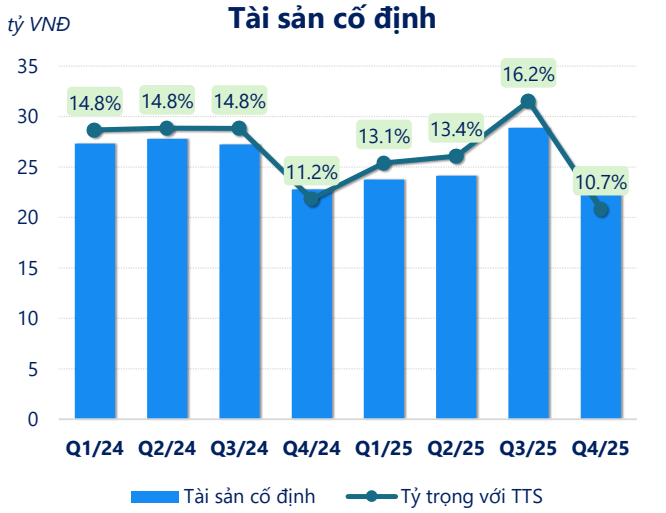
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



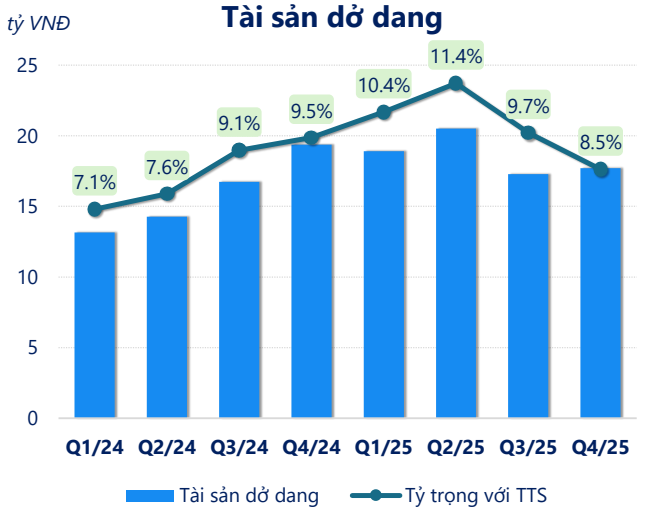
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



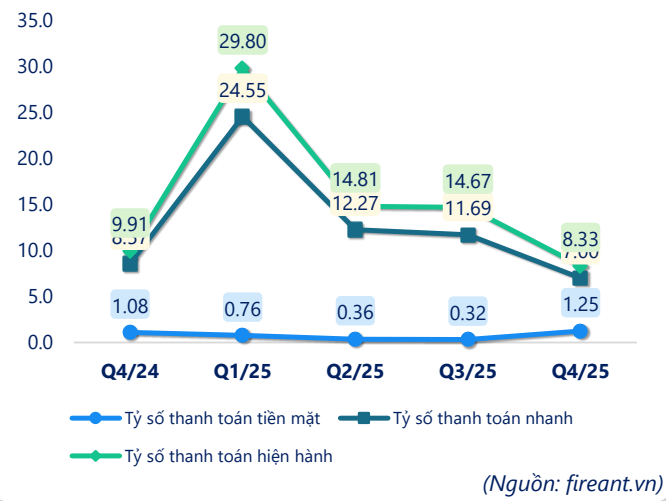
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



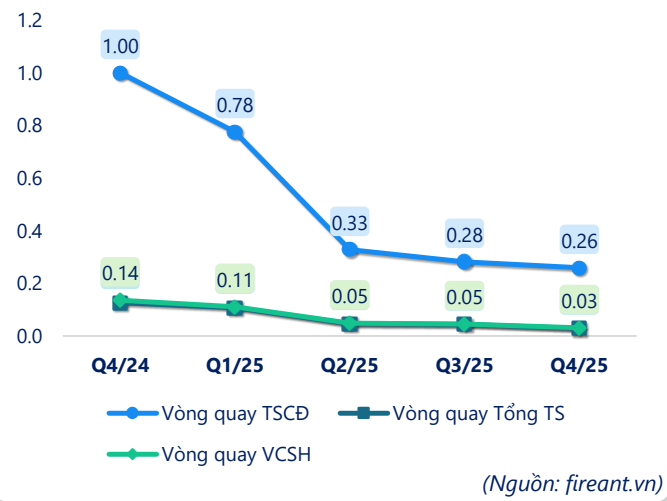
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**203**	**182**	**180**	**178**	**209**
Tài sản ngắn hạn	**141**	**119**	**115**	**112**	**150**
Tiền và tương đương tiền	15.4	3.03	2.85	2.46	22.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	90.6	88.2	81.4	102
Phải thu ngắn hạn	1.62	3.59	3.22	3.88	1.46
Hàng tồn kho	19.0	20.9	19.8	22.7	24.1
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.65	1.41	1.56	0.08
Tài sản dài hạn	**62.4**	**62.9**	**64.6**	**66.1**	**59.1**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	22.8	23.8	24.1	28.9	22.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	19.4	18.9	20.5	17.3	17.7
Đầu tư tài chính dài hạn	20.2	20.2	19.8	19.8	17.8
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.02	0.16	0.15	1.27
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**14.2**	**3.99**	**7.80**	**7.64**	**18.0**
Nợ ngắn hạn	**14.2**	**3.99**	**7.80**	**7.64**	**18.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.29	0	1.96	0.01	0.17
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**189**	**178**	**172**	**171**	**191**
Vốn chủ sở hữu	**189**	**178**	**172**	**171**	**191**
Vốn điều lệ	175	175	175	175	175
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)